TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Số: 06/2018/QĐDS - ST
Ngày 11 - 9 - 2018
V/v yêu cầu tuyên bố một người mất tích

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ toạ phiên họp: Ông Trần Xuân Dũng - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N: Ông Trần Thế Hùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên họp giải quyết việc dân sự thụ lý số: 02/2018/DS - ST ngày 02 tháng 4 năm 2018 về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích, theo quyết định mở phiên họp số: 06/2018/QĐST - DS ngày 27 tháng 8 năm 2019.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Ng - Sinh năm 1979
Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N, tỉnh N

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Chị Phạm Thị Ng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, tuyên bố ông Trần Mạnh H sinh năm 1938; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N tỉnh N; Nơi cư trú cuối cùng trước khi vắng mặt: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N tỉnh N, mất tích vì từ năm 1976 ông Trần Mạnh H bỏ nhà đi không trở về. Chị Phạm Thị Ng đã nhắn tin tìm kiếm ông Trần Mạnh H nhưng vẫn không có tin tức, địa chỉ của ông Trần Mạnh H.

+ Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N: về tố tụng, qua kiểm sát việc dân sự từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp hôm nay, Thẩm phán thụ lý, Chủ tọa phiên họp, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Tòa án nhân dân huyện N căn cứ Điều 68 Bộ luật Dân sự; các Điều 149; 389 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên bố ông Trần Mạnh H, mất tích và tuyên lệ phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện N nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết đơn của chị Phạm Thị Ngyêu cầu tuyên bố ông Trần Mạnh Hùng; Nơi cư trú cuối cùng trước khi vắng mặt: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N tỉnh N, mất tích là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 27; khoản 2 Điều 35; khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Trần Mạnh H kết hôn với bà Trần Thị Hồng L và sinh sống tại thị trấn R, huyện N, tỉnh N. Quá trình sống chung ông Trần Mạnh H và bà Trần Thị Hồng L có bốn con chung. Đến năm 1976 ông Trần Mạnh H bỏ nhà đi khỏi địa phương và cắt đứt liên lạc với mọi người trong gia đình. Đã nhiều lần chị Phạm Thị Ng cùng gia đình tìm gọi nhưng không có tin tức, địa chỉ của ông Trần Mạnh H. Chính quyền thị trấn R xác nhận ông Trần Mạnh H đã bỏ nhà đi từ năm 1976 đến nay không có tin tức, địa chỉ. Chị Phạm Thị Ng đã nhắn tin trên báo Công lý và đài tiếng nói Việt Nam tìm kiếm ông Trần Mạnh H nhưng vẫn không có tin tức của ông Trần Mạnh H. Nay chị Phạm Thị Ng đề nghị Toà án nhân dân huyện N tuyên bố ông Trần Mạnh H mất tích là phù hợp với quy định tại Điều 68 Bộ luật Dân sự nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về lệ phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Ng phải nộp theo quy định của pháp luật.

[4] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết việc dân sự là phù hợp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 149; 370; 371; 372 và 389 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 68 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố ông Trần Mạnh H sinh năm 1938; Nơi cư trú cuối cùng trước khi vắng mặt: Tổ dân phố 4, thị trấn R, huyện N tỉnh N, mất tích.

2. Lệ phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Ng phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm chị Phạm Thị Ng đã nộp

300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06273 ngày 30/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Phạm Thị Ng đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Quyết định dân sự sơ thẩm có mặt chị Ng, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn mười ngày kể từ ngày ra quyết định.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- TAND tỉnh N;
- UBND.TT R;
- Lưu.

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng